**BỆNH VIỆN TIM HÀ NỘI**

**THƯ MỜI CHÀO GIÁ**

**Kính gửi:** Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, cá nhân quan tâm.

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;

**Bệnh viện Tim Hà Nội** đang có nhu cầu thực hiện gói thầu: Mua điều hòa cho Bệnh viện Tim Hà Nội năm 2024, theo danh mục đính kèm thư mời.

Bệnh viện Tim Hà Nội trân trọng mời Công ty, đơn vị, tổ chức, cá nhân (Quý đơn vị) đáp ứng đủ năng lực, kinh nghiệm cung cấp báo giá dịch vụ gói thầu: Mua điều hòa cho Bệnh viện Tim Hà Nội năm 2024, cụ thể:

1. Thời hạn gửi báo giá: 16h30 ngày 04/6/2024.

2. Yêu cầu báo giá:

- Về giá: Giá theo thị trường, đã bao gồm VAT.

- Về hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày từ ngày phát hành.

- Về khối lượng, quy cách hàng hóa: Thông tin chi tiết tại danh mục đính kèm theo thư mời này.

3. Thời gian thực hiện hợp đồng (dự kiến): 03 tháng.

4. Hình thức gửi báo giá: Văn bản có dấu của đơn vị, gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

5. Địa điểm nhận báo giá: Phòng Văn thư, tầng 4, nhà B, Bệnh viện Tim Hà Nội. Đ/c: Số 92 Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.

6. Các đơn vị cần biết thêm thông tin, liên hệ: Phòng Hành chính quản trị - Bệnh viện Tim Hà Nội. Điện thoại: 097.541.8926 (Mr . Nguyễn Thạc Long).

Trân trọng thông báo để Quý cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được biết.

**DANH MỤC HÀNG HÓA**

|  |
| --- |
| *Kèm theo thư mời số /TM-BVT ngày tháng năm 2024* |
| |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Danh mục** | **Yêu cầu kỹ thuật** | **ĐVT** | **Số lượng** | | 1 | Điều hòa | **\* Loại 1 chiều lạnh, treo tường:**  - Công suất lạnh danh định : 8.500BTU/h-9.600BTU/h  - Sản xuất : năm 2023- 2024  - Máy Inverter  - Điều khiển từ xa không dây  - Nguồn điện: 1P/220 V~240V/50Hz  - Công suất tiêu thụ điện( danh định) ≤ 1.000W  - Chỉ số hiệu suất năng lượng CSPF ≥ 4,2  - Môi chất lạnh: R32  - Chất liệu dàn tản nhiệt : Ống dẫn gas bằng đồng.  - Lưu lượng gió dàn lạnh(m3/phút) ≥ 9,0  - Chiều dài đường ống tối đa (mét) ≥ 15  - Chênh lệch độ cao tối đa (mét) ≥ 12  - Bảo hành: Tối thiểu 12 tháng, riêng máy nén tối thiểu 4 năm . | Bộ | 1 | | 2 | Điều hòa | \* **Loại 1 chiều lạnh, treo tường:**  - Công suất lạnh danh định : 12.000BTU/h-12.500BTU/h  - Sản xuất : năm 2023-2024  - Máy Inverter  - Điều khiển từ xa không dây  - Nguồn điện: 1P/220 V~240V/50Hz,  - Công suất tiêu thụ điện( danh định) ≤ 1.250W  - Chỉ số hiệu suất năng lượng CSPF ≥ 4,2  - Môi chất lạnh: R32  - Chất liệu dàn tản nhiệt : Ống dẫn gas bằng đồng  - Lưu lượng gió dàn lạnh (m3/phút) ≥ 9,5  - Chiều dài đường ống tối đa (mét) ≥ 15  - Chênh lệch độ cao tối đa (mét) ≥ 10  - Bảo hành: Tối thiểu 12 tháng, riêng máy nén tối thiểu 4 năm . | Bộ | 11 | | 3 | Điều hòa | \* **Loại 2 chiều lạnh / sưởi, treo tường:**  - Công suất lạnh danh định:  + Làm lạnh : 11.900BTU/h-12.500BTU/h  + Sưởi : 12.000BTU/h-13.500BTU/h  - Điều khiển từ xa không dây  - Sản xuất : năm 2023-2024  - Máy Inverter  - Nguồn điện: 1P/220V~240V/50Hz  - Công suất tiêu thụ điện (danh định):  + Làm lạnh ≤ 1.100W  + Sưởi ≤ 1.100W  - Chỉ số hiệu suất năng lượng CSPF ≥ 5,5 hoặc chỉ số hiệu suất sử dụng năng lượng EER ≥ 3,0  - Môi chất lạnh: R32  - Chất liệu dàn tản nhiệt : Ống dẫn gas bằng đồng  - Lưu lượng gió dàn lạnh: Lạnh/Sưởi(m3/phút) ≥ 9,5/9,5  - Chiều dài đường ống tối đa (mét) ≥ 15  - Chênh lệch độ cao tối đa (mét) ≥ 10  - Bảo hành: Tối thiểu 12 tháng, riêng máy nén tối thiểu 4 năm . | Bộ | 23 | | 4 | Điều hòa | \* **Loại 1 chiều lạnh, treo tường:**  - Công suất lạnh danh định : 17.000BTU/h-18.500BTU/h  - Sản xuất : năm 2023-2024  - Máy Inverter  - Điều khiển từ xa không dây  - Nguồn điện: 1P/220 V~240V/50Hz,  - Công suất tiêu thụ điện( danh định) ≤ 1.900W  - Chỉ số hiệu suất năng lượng CSPF ≥ 4,7  - Môi chất lạnh: R32  - Chất liệu dàn tản nhiệt : Ống dẫn gas bằng đồng  - Lưu lượng gió dàn lạnh(m3/phút) ≥ 9,7  - Chiều dài đường ống tối đa (mét) ≥ 20  - Chênh lệch độ cao tối đa (mét) ≥ 12  - Bảo hành: Tối thiểu 12 tháng, riêng máy nén tối thiểu 4 năm . | Bộ | 5 | | 5 | Điều hòa | \* **Loại 2 chiều lạnh / sưởi, treo tường:**  - Công suất lạnh danh định:  + Làm lạnh : 17.000BTU/h-18.000BTU/h  + Sưởi : 18.000BTU/h-19.200BTU/h  - Điều khiển từ xa không dây  - Sản xuất : năm 2023-2024  - Máy Inverter  - Nguồn điện: 1P/220V~240V/50Hz  - Công suất tiêu thụ điện (danh định):  + Làm lạnh ≤ 1.750W  + Sưởi ≤ 1.700W  - Chỉ số hiệu suất năng lượng CSPF ≥ 5,0 hoặc chỉ số hiệu suất sử dụng năng lượng EER ≥ 3,0  - Môi chất lạnh: R32  - Chất liệu dàn tản nhiệt : Ống dẫn gas bằng đồng  - Lưu lượng gió dàn lạnh: Lạnh/Sưởi (m3/phút) ≥ 9,9/12,0  - Chiều dài đường ống tối đa (mét) ≥ 20  - Chênh lệch độ cao tối đa (mét) ≥ 12  - Bảo hành: Tối thiểu 12 tháng, riêng máy nén tối thiểu 4 năm . | Bộ | 19 | | 6 | Điều hòa | \* **Loại 1 chiều lạnh, treo tường:**  - Công suất lạnh danh định : 20.500BTU/h-24.000BTU/h  - Sản xuất : năm 2023-2024  - Máy Inveerter  - Điều khiển từ xa không dây  - Nguồn điện: 1P/220 V~240V/50Hz,  - Công suất tiêu thụ điện( danh định) ≤ 2.100W  - Chỉ số hiệu suất năng lượng CSPF ≥ 4,8  - Môi chất lạnh: R32  - Chất liệu dàn tản nhiệt : Ống dẫn gas bằng đồng hoặc hợp kim nhôm  - Lưu lượng gió dàn lạnh (m3/phút) ≥ 14,0  - Chiều dài đường ống tối đa (mét) ≥ 20  - Chênh lệch độ cao tối đa (mét) ≥ 12  - Bảo hành: Tối thiểu 12 tháng, riêng máy nén tối thiểu 4 năm . | Bộ | 4 | | 7 | Điều hòa | \* **Loại 2 chiều lạnh / sưởi, treo tường:**  - Công suất lạnh danh định:  + Làm lạnh : 24.000BTU/h - 24.500BTU/h  + Sưởi : 24.000BTU/h - 27.500BTU/h  - Điều khiển từ xa không dây  - Sản xuất : năm 2023-2024  - Máy Inverter  - Nguồn điện: 1P/220V~240V/50Hz  - Công suất tiêu thụ điện (danh định):  + Làm lạnh ≤ 2.400W  + Sưởi ≤ 2.400W  - Chỉ số hiệu suất năng lượng CSPF ≥ 4,3 hoặc chỉ số hiệu suất sử dụng năng lượng EER ≥ 2,8  - Môi chất lạnh: R32  - Chất liệu dàn tản nhiệt : Ống dẫn gas bằng đồng hoặc hợp kim nhôm  - Lưu lượng gió dàn lạnh : Lạnh/ Sưởi(m3/phút) ≥ 17,0/14,0  - Chiều dài đường ống tối đa (mét) ≥ 15  - Chênh lệch độ cao tối đa (mét) ≥ 12  - Bảo hành: Tối thiểu 12 tháng, riêng máy nén tối thiểu 4 năm . | Bộ | 7 |  | | 8 | Điều hòa | \* **Loại 1 chiều lạnh, âm trần thổi đa hướng:**  - Công suất lạnh danh định : 24.000BTU/h - 24.500BTU/h  - Sản xuất : năm 2023-2024  - Máy Inverter  - Điều khiển từ xa không dây hoặc có dây  - Nguồn điện: 1P/220 V~240V/50Hz,  - Công suất tiêu thụ điện( danh định) ≤ 2.400W  - Chỉ số hiệu suất năng lượng CSPF ≥ 4,6 hoặc chỉ số hiệu suất sử dụng năng lượng EER ≥ 3,0  - Môi chất lạnh: R32  - Chất liệu dàn tản nhiệt : Ống dẫn ga bằng đồng hoặc hợp kim nhôm  - Lưu lượng gió dàn lạnh (m3/phút) ≥ 20  - Chiều dài đường ống tối đa (mét) ≥ 25  - Chênh lệch độ cao tối đa (mét) ≥ 10  - Bảo hành: Tối thiểu 12 tháng, riêng máy nén tối thiểu 4 năm . | Bộ | 3 | | 9 | Điều hòa | \* **Loại 2 chiều lạnh/ sưởi, âm trần thổi đa hướng:**  - Công suất lạnhdanh định:  + Làm lạnh : 24.000BTU/h - 28.000BTU/h  + Sưởi : 24.000BTU/h - 28.000BTU/h  - Điều khiển từ xa không dây hoặc có dây  - Sản xuất : năm 2024  - Máy Inverter  - Nguồn điện: 1P/220V~240V/50Hz,  - Công suất tiêu thụ điện (danh định):  + Làm lạnh ≤ 2.400W  + Sưởi ≤ 2.100W  - Chỉ số hiệu suất năng lượng CSPF ≥ 5,5 hoặc chỉ số hiệu suất sử dụng năng lượng EER ≥ 3,0  - Môi chất lạnh: R32  - Chất liệu dàn tản nhiệt : Ống dẫn ga bằng đồng hoặc hợp kim nhôm  - Lưu lượng gió dàn lạnh: Lạnh/Sưởi (m3/phút)  ≥ 20,0/16,0  - Chiều dài đường ống tối đa (mét) ≥ 30  - Chênh lệch độ cao tối đa (mét) ≥ 20  - Bảo hành: Tối thiểu 12 tháng, riêng máy nén tối thiểu 4 năm . | Bộ | 10 | | 10 | Điều hòa | \* **Loại 1 chiều lạnh, âm trần thổi đa hướng:**  - Công suất lạnh danh định : 34.000BTU/h - 36.000BTU/h  - Sản xuất : năm 2023-2024  - Máy Inverter  - Điều khiển từ xa không dây, hoặc có dây  - Nguồn điện: 380 V~415V/3P/50Hz hoặc 1P/220V~240V/50Hz  - Công suất tiêu thụ điện( danh định) ≤ 3.500W  - Chỉ số hiệu suất năng lượng CSPF ≥ 4,6 hoặc chỉ số hiệu suất sử dụng năng lượng EER ≥ 3,0  - Môi chất lạnh: R32  - Chất liệu dàn tản nhiệt : Ống dẫn ga bằng đồng hoặc hợp kim nhôm  - Lưu lượng gió dàn lạnh (m3/phút) ≥ 33,0  - Chiều dài đường ống tối đa (mét) ≥ 30  - Chênh lệch độ cao tối đa (mét) ≥ 20  - Bảo hành: Tối thiểu 12 tháng, riêng máy nén tối thiểu 4 năm. | Bộ | 14 | | 11 | Điều hòa | **\* Loại 2 chiều lạnh/ sưởi, âm trần thổi đa hướng:**  - Công suất lạnh danh định:  + Làm lạnh : 34.000BTU/h - 36.000BTU/h  + Sưởi : 34.000BTU/h - 38.500BTU/h  - Điều khiển từ xa có dây hoặc không dây  - Sản xuất : năm 2023-2024  - Máy Inverter  - Nguồn điện: 380 V~415V/3P/50Hz hoặc 1P/220V~240V/50Hz  - Công suất tiêu thụ điện (danh định):  + Làm lạnh ≤ 3.200W  + Sưởi ≤ 3.200W  - Chỉ số hiệu suất năng lượng CSPF ≥ 5,5 hoặc chỉ số hiệu suất sử dụng năng lượng EER ≥ 3,0  - Môi chất lạnh: R32  - Lưu lượng gió dàn lạnh: Lạnh/ Sưởi (m3/phút) ≥ 33,0/24,0  - Chiều dài đường ống tối đa (mét) ≥ 30  - Chênh lệch độ cao tối đa (mét) ≥ 20  - Chất liệu dàn tản nhiệt : Ống dẫn gas bằng đồng hoặc hợp kim nhôm  - Bảo hành: Tối thiểu 12 tháng, riêng máy nén tối thiểu 4 năm | Bộ | 5 | | 12 | Ống đồng D6.4 dày 0.71 mm | - Đáp ứng tiêu chuẩn :ASTM B280 / JIS H3300  - Độ dày của ống đồng tối thiểu 0,71 mm | mét | 1110 | | 13 | Ống đồng D9.52 dày 0.71 mm | - Đáp ứng tiêu chuẩn :ASTM B280 / JIS H3300  - Độ dày của ống đồng tối thiểu 0,71 mm | mét | 1140 | | 14 | Ống đồng D12.7 dày 0.71 mm | - Đáp ứng tiêu chuẩn :ASTM B280 / JIS H3300  - Độ dày của ống đồng tối thiểu 0,71 mm | mét | 360 | | 15 | Ống đồng D15.88 dày 0.81 mm | - Đáp ứng tiêu chuẩn :ASTM B280 / JIS H3300  - Độ dày của ống đồng tối thiểu 0,81 mm | mét | 720 | | 16 | Ống bảo ôn D6 dày 13 mm | - Sử dụng vật liệu cách điện, chống thấm nước  - Độ dày của ống tối thiểu 13 mm | mét | 1110 | | 17 | Ống bảo ôn D10 dày 13 mm | - Sử dụng vật liệu cách điện, chống thấm nước  - Độ dày của ống tối thiểu 13 mm | mét | 1140 | | 18 | Ống bảo ôn D13 dày 13 mm | - Sử dụng vật liệu cách điện, chống thấm nước  - Độ dày của ống tối thiểu13 mm | mét | 360 | | 19 | Ống bảo ôn D16 dày 19 mm | - Sử dụng vật liệu cách điện, chống thấm nước  - Độ dày của ống tối thiểu19 mm | mét | 765 | | 20 | Băng quấn bảo ôn | - Sử dụng vật liệu cách điện, chống thấm nước, mềm, dẻo | kg | 500 | | 21 | Dây điện : Cu/PVC/PVC2x1.5 mm | - Dây đồng, cách điện PVC, vỏ bọc PVC  - Kết cấu dây đồng nhiều sợi bện tròn  - Cấp điện áp 300V/500V  - Hàng có CQ và chứng nhận xuất xưởng | mét | 1.500 | | 22 | Dây điện : Cu/PVC/PVC2x2.5 mm | - Dây đồng, cách điện PVC, vỏ bọc PVC  - Kết cấu dây đồng nhiều sợi bện tròn  - Cấp điện áp 300V/500V  - Hàng có CQ và chứng nhận xuất xưởng. | mét | 800 | | 23 | Dây điện: Cu/PVC/PVC 2x4 mm | - Dây đồng, cách điện PVC, vỏ bọc PVC  - Kết cấu dây đồng nhiều sợi bện tròn  - Cấp điện áp 300V/500V  - Hàng có CQ và chứng nhận xuất xưởng | mét | 100 | | 24 | Dây điện: Cu/PVC/PVC 4x4 mm | - Dây đồng, cách điện PVC, vỏ bọc PVC  - Kết cấu dây đồng nhiều sợi bện tròn  - Cấp điện áp 300V/500V  - Hàng có CQ và chứng nhận xuất xưởng | mét | 200 | | 25 | Dây điện 1x2.5 mm, màu tiếp địa | - Dây đồng, cách điện PVC, màu tiếp địa  - Kết cấu dây đồng nhiều sợi bện tròn  - Cấp điện áp 300V/500V  -Hàng có CQ và chứng nhận xuất xưởng | mét | 500 | |